

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮKLẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HSST
Ngày: 28 tháng 6 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp. Ông Nguyễn Võ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi
Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét
xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 14/2018/HSST ngày 15 tháng 6 năm
2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QDDXXST-HS ngày
18/6/2018 đối với bị cáo:

Phạm Công S, sinh năm 1987, tại huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Trú tại: thôn C, xã
E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Không; Dân tộc:
Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Công H,
sinh năm 1960 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1961. Cùng trú tại: thôn C, xã E,
huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có 04 anh em, bản thân là thứ nhất. Tiền án: 01 tiền
án, bản án 508/2015/HSPT ngày 04/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk
tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm đ khoản 2
điều 138 BLHS năm 1999. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt 07/4/2018, hiện đang bị
tạm giam – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác

- Những người bị hại:

+ Chị Trần Thị X, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện
M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M,
huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Trường THCS H. Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk - Đại diện
theo pháp luật: Ông Đoàn Văn P, chức vụ: Hiệu trưởng. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Anh Phạm Công L1, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Công L2, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị VKSND huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 06/02/2018, bị cáo S đi từ trung tâm thị trấn huyện M'Đrăk, dọc theo đường tổ dân phố 07, khi đi đến nhà chị Trần Thị X là kế toán trường Trung học cơ sở (THCS) H (Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện M). Nhà chị X không có cổng, cửa phòng khách không khóa nên S đẩy cửa đi vào. Qua ánh sáng đèn ngủ, S phát hiện và lấy 01 chiếc điện thoại di động của anh Nguyễn Tấn H (là chồng chị X). Tiếp tục quan sát, S nhìn thấy 01 máy tính xách tay của trường THCS H do chị X đem về nhà làm việc, đang để trên bàn, S lấy chiếc máy tính cho vào túi xách đựng laptop mà chị X để trên ghế, rồi đem toàn bộ tài sản về nhà tại thôn C, xã E. Khi về nhà S mở túi xách ra kiểm tra thì phát hiện bên trong còn có số tiền 4.500.000đồng, 03 con dấu của trường THCS H, 05 tờ giấy hóa đơn mua trang thiết bị của trường THCS H, 01 Chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Trần Thị X. Sau khi kiểm tra xong, S bỏ 03 con dấu, Chứng minh nhân dân cùng thẻ ATM của chị X và 05 tờ hóa đơn vào một bao xác rắn rồi vứt tại bụi cây chuối trong vườn nhà mình. S sử dụng số tiền để tiêu xài cá nhân, chiếc điện thoại S cho Phạm Công L1, chiếc túi xách S cho Phạm Công L2. Đối với máy tính S đem bán cho một tiệm cầm đồ ở thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (không xác định được địa chỉ) với giá 2.000.000đồng. Sau khi xử lý xong tài sản đã chiếm đoạt, S vào thành phố B, tỉnh Đồng Nai để trốn tránh, đến ngày 07/4/2018 S bị bắt.

Căn cứ các bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 06/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M'Đrăk thì tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị lần lượt là:

- Máy tính Laptop, nhãn hiệu DELL Isn N3537-1515.6" Dram 4Gb, DHH 500GB có giá trị 10.800.000đồng.

- Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 1201 có giá trị 1.620.000đồng.

- Túi xách đựng máy tính có giá trị 280.000đồng.

Tổng trị giá toàn bộ tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 12.700.000đồng (Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

*** Vật chứng tạm giữ:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO 1201, màu trắng, số IMEI 1:860159030694734, số IMEI 2:860159030694726;
- 03 con dấu tròn của trường THCS H;
- 01 túi xách máy tính màu đen;
- 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0013617 do Công ty cổ phần sách thiết bị trường học Đắk Lắk cấp ngày 30/01/2018 cho trường THCS H;
- 01 hóa đơn bán hàng số 0052180 do Nguyễn Văn T cấp ngày 10/01/2018 cho trường THCS H;
- 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000020 do Công ty TNHH MTV LP M'Đrăk cấp ngày 24/01/2018 cho trường THCS H;
- 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000225 do Công ty TNHH MTV LP M'Đrăk cấp ngày 29/11/2016 cho trường THCS H;
- 01 hóa đơn bán hàng số 0090527 do Phạm Thị H cấp ngày 25/9/2017 cho trường THCS H;
- 01 chứng minh nhân dân số 241015602 của Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/10/2013 cho Trần Thị X;
- 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank cấp cho Trần Thị X;
- 01 sổ bảo hành và hướng dẫn sử dụng điện thoại di động OPPO 1201, của công ty TNHH MTV kỹ thuật và khoa học OPPO cấp cho chị Trần Thị X;
- 01 vỏ hộp điện thoại di động;
- 01 hóa đơn bán hàng số 0012231 ngày 28/02/2015 của Cục thuế tỉnh Đắk Lắk có tên người bán hàng là Phạm Thị H, người mua hàng là trường THCS H;
- Hợp đồng kinh tế số 02/2015/HĐKT ngày 28/02/2015 giữa bên bán là Phạm Thị H, bên mua là trường THCS H;
- 01 biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 02/2015/BBTL ngày 03/3/2015 giữa trường THCS H và bà Phạm Thị H;

Quá trình điều tra xét thấy việc tạm giữ đối với chiếc điện thoại di động OPPO 1201, chiếc túi xách Laptop màu đen, Chứng minh nhân dân cùng thẻ ATM của chị X và 05 tờ hóa đơn (số 0013617; 0000020; 0000225; 0090527; 0052180) của trường THCS H như nêu trên là không cần thiết nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số 12 ngày 20/4/2018 để trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk truy tố bị cáo Phạm Công S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên toà bị cáo S khai nhận: Do không có việc làm, bản thân cần tiền tiêu xài, nên khoảng 01 giờ ngày 06/02/2018 bị cáo đã vào nhà chị Trần Thị X (địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M) trộm cắp tài sản. Bị cáo đã nhận ra lỗi lầm, nên đã tác động với gia đình bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Công S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 3 tháng tù.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả: 01 điện thoại di động OPPO 1201; 01 chiếc túi xách; 01 Chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM và 05 tờ hóa đơn (số 0013617; 0000020; 0000225; 0090527; 0052180) cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Trả lại cho chị X: 01 vỏ hộp điện thoại di động; 01 sổ bảo hành và hướng dẫn sử dụng điện thoại di động OPPO 1201; Trả cho trường THCS H 03 con dấu; 01 hóa đơn bán hàng số 0012231; 01 Hợp đồng kinh tế số 02/2015/HĐKT ngày 28/02/2015; 01 biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 02/2015/BBTL ngày 03/3/2015.

Bị cáo S không có ý kiến tranh luận, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an huyện M'Đrăk, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai người bị hại, những người liên quan và các chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Lợi dụng đêm tối và sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, khoảng 01 giờ ngày 06/02/2018 bị cáo S đã vào nhà chị Trần Thị X, tại Tổ dân phố B, thị trấn M, để thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 máy tính, 01 điện thoại di động, 01 túi xách, 05

tờ hóa đơn, 03 con dấu của trường THCS H, 4.500.000đồng tiền mặt và Giấy chứng minh nhân dân, thẻ ATM của chị X.

Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 17.200.000đ (*Mười bảy triệu hai trăm ngàn đồng*). Thiệt hại mà bị cáo gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Nên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk là có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[3] *Về hình phạt:* Xét tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, coi thường quyền sở hữu về tài sản của người khác đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo không chỉ ảnh hưởng đến trật tự trị an, mà còn trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo mới chấp hành xong phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 508/2015/HSPT ngày 04/12/2015 của TAND tỉnh Đắk Lắk, nhưng lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, được quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, HĐXX xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường cho những người bị hại, nguyên đơn dân sự. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Nên HĐXX cần áp dụng điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

[4] *Các biện pháp tư pháp:*

[4.1] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại chị X, anh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường, nên HĐXX không xem xét.

[4.2] *Về vật chứng:*

- Cơ quan điều tra Công an huyện M’Đrăk đã trả: Điện thoại di động OPPO 1201, túi xách đựng máy vi tính, Chứng minh nhân dân cùng thẻ ATM của chị X

và 05 tờ hóa đơn (số 0013617; 0000020; 0000225; 0090527; 0052180) cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

- 01 vỏ hộp điện thoại; 01 sổ bảo hành và hướng dẫn sử dụng điện thoại di động OPPO 1201 là tài sản của gia đình chị X. Do vậy, cần trả lại cho chị X.

- Đối với 03 con dấu; 01 hóa đơn bán hàng số 0012231; Hợp đồng kinh tế số 02/2015/HĐKT ngày 28/02/2015; 01 biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 02/2015/BBTL ngày 03/3/2015 thuộc sự quản lý của trường THCS H, nên cần trả lại cho nhà trường.

[5] Đối với Phạm Công L1, Phạm Công L2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã sử dụng chiếc điện thoại di động OPPO và túi xách Laptop, nhưng không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm đối với anh L1, anh L2 là phù hợp với pháp luật.

[6] Hành vi sử dụng con dấu ngoài sự quản lý của trường THCS H của chị Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị N, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã chuyển xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với Nghị định 167/NĐ-Cp ngày 12/11/2013 của Chính phủ, quy định về lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội.

[7] *Về án phí*: Bị cáo S thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ, xét miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Công S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Phạm Công S 01(một) năm 03(ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 07/4/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả: 01 điện thoại di động OPPO 1201; 01 túi xách Laptop, Chứng minh nhân dân cùng thẻ ATM và 05 tờ hóa đơn (số 0013617; 0000020; 0000225; 0090527; 0052180) cho chủ sở hữu hợp pháp.

- Trả lại cho chị X: 01 vỏ hộp điện thoại di động; 01 sổ bảo hành và hướng dẫn sử dụng điện thoại di động OPPO 1201;

- Trả cho trường THCS H, xã E, huyện M: 03 con dấu; 01 hóa đơn bán hàng số 0012231; 01 Hợp đồng kinh tế số 02/2015/HĐKT ngày 28/02/2015; 01 biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng số 02/2015/BBTL ngày 03/3/2015.

3. Về án phí: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Công S.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng quản lý lý lịch - Sở Tư pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrăk;
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Đức Hợi